

Số: 188 /CV-TYT

"V/v đề nghị phê duyệt giá khám bệnh, chữa bệnh của Trạm Y tế phường Đường Hào"

Đường Hào, ngày 19 tháng 10 năm 2026

Kính gửi: - Sở Y tế tỉnh Hưng Yên
- UBND phường Đường Hào

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế Ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Thực hiện hướng dẫn tại Công văn số 6706/SYT-KHTC ngày 08/10/2026 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên về việc lập hồ sơ phương án giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các đơn vị y tế công lập trên địa bàn tỉnh;

Thực hiện Công văn số 2372/UBND-VHXH ngày 19/10/2026 của UBND phường Đường Hào về việc giao Trạm Y tế phường xây dựng phương án giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại Trạm Y tế phường;

Trạm Y tế phường Đường Hào báo cáo chi tiết phương pháp xây dựng phương án giá của bộ hồ sơ đính kèm công văn như sau:

Tổng số danh mục dịch vụ kỹ thuật của Trạm Y tế đã được Sở Y tế phê duyệt là 203 danh mục DVKT.

Phương án giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đề xuất: 173 danh mục, cụ thể: Giá dịch vụ khám bệnh đề xuất điều chỉnh: 01 danh mục, danh mục dịch vụ kỹ thuật đề xuất điều chỉnh giá: 172 danh mục.

Trạm Y tế phường Đường Hào cam kết chịu trách nhiệm về danh mục kỹ thuật và phương án giá đề xuất của đơn vị hoàn toàn phù hợp với quy định. Kính trình Sở Y tế tỉnh Hưng Yên, UBND phường Đường Hào xem xét, thẩm định và phê duyệt danh mục giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho Trạm Y tế để Trạm Y tế phường Đường Hào có cơ sở thực hiện, đảm bảo theo đúng quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh và các quy định hiện hành.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban LĐ Trạm;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Cao Thị Thu Hằng

Số: 181 /CV-TYT

"V/v đề nghị phê duyệt giá khám bệnh, chữa bệnh của Trạm Y tế phường Đường Hào"

Đường Hào, ngày 14. tháng 10. năm 2026

Kính gửi: - UBND phường Đường Hào
- Phòng Văn hóa - Xã hội phường Đường Hào

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế Ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Thực hiện hướng dẫn tại Công văn số 6706/SYT-KHTC ngày 08/10/2026 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên về việc lập hồ sơ phương án giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các đơn vị y tế công lập trên địa bàn tỉnh;

Trạm Y tế phường Đường Hào báo cáo chi tiết phương pháp xây dựng phương án giá của bộ hồ sơ đính kèm công văn như sau:

Tổng số danh mục dịch vụ kỹ thuật của Trạm Y tế đã được Sở Y tế phê duyệt là 203 danh mục DVKT.

Phương án giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đề xuất: 173 danh mục, cụ thể: Giá dịch vụ khám bệnh đề xuất điều chỉnh: 01 danh mục, danh mục dịch vụ kỹ thuật đề xuất điều chỉnh giá: 172 danh mục.

- Trạm Y tế phường Đường Hào cam kết chịu trách nhiệm về danh mục kỹ thuật và phương án giá đề xuất của đơn vị hoàn toàn phù hợp với quy định. Kính trình UBND phường Đường Hào, Phòng Văn hóa - Xã hội phường Đường Hào

xem xét, thẩm định và phê duyệt danh mục giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho Trạm Y tế xã Trạm Y tế phường Đường Hào có cơ sở thực hiện, đảm bảo theo đúng quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh và các quy định hiện hành.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban LĐ Trạm;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Cao Thị Thu Hằng

Dường Hào, tháng . / 0.. năm 2026

(Theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế)

HỒ SƠ XÂY DỰNG PHÒNG ĂN GIA DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

**UBND PHƯỜNG DƯƠNG HẢO
TRĂM Y TẾ PHƯỜNG DƯƠNG HẢO**

DANH MỤC
HỒ SƠ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN GIÁ DỊCH VỤ KHÁM BỆNH,
CHỮA BỆNH ÁP DỤNG TẠI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG ĐƯỜNG HÀO

Stt	Nội dung	Ghi chú
1	Văn bản đề nghị phê duyệt giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	
2	Nghị quyết Đảng ủy về chủ trương xây dựng phương án giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại Trạm Y tế phường Đường Hào	
3	Quyết định thành lập Hội đồng thành lập phương án giá dịch vụ khám chữa bệnh tại Trạm Y tế	
4	Biên bản họp Hội đồng xây dựng phương án giá	
5	Phương án giá và các cơ sở căn cứ	
6	Hồ sơ, tài liệu có liên quan:	
	Phụ lục: Giá dịch vụ kỹ thuật	Gồm 173 dịch vụ

Số: *21*./NQ-ĐU

TRÍCH NGHỊ QUYẾT

**Về chủ trương xây dựng phương án giá dịch vụ khám bệnh,
chữa bệnh tại Trạm Y tế phường Đường Hào**

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị quyết số 335/NQ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về việc tính chi phí quản lý vào giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Công văn số 6446/SYT-KHTC ngày 28 tháng 9 năm 2026 và Công văn số 6706/SYT-KHTC ngày 08 tháng 10 năm 2026 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên về việc đơn đốc xây dựng phương án giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại Trạm Y tế xã, phường;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Trạm Y tế phường Đường Hào và yêu cầu thực tế trong việc tổ chức cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại đơn vị;

Ngày 13 tháng 10 năm 2026, Đảng bộ Trạm Y tế phường Đường Hào tổ chức họp, thảo luận về chủ trương xây dựng phương án giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại Trạm Y tế phường Đường Hào.

Sau khi nghe báo cáo về yêu cầu xây dựng phương án giá, danh mục dịch vụ kỹ thuật dự kiến, các căn cứ pháp lý và phương pháp xây dựng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, Đảng bộ thống nhất ban hành Nghị quyết với các nội dung sau:

I. THỐNG NHẤT CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN GIÁ

1. Thống nhất chủ trương

Đảng bộ thống nhất chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo Trạm Y tế phường Đường Hào tổ chức rà soát, xây dựng và hoàn thiện phương án giá dịch vụ khám bệnh,

chữa bệnh thuộc phạm vi hoạt động chuyên môn của Trạm, trình UBND phường Đường Hào xem xét, tổ chức thẩm định theo quy định.

Việc xây dựng phương án giá nhằm bảo đảm các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại Trạm có căn cứ xác định giá rõ ràng, phù hợp với quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh và pháp luật về giá; làm cơ sở để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo trình tự quy định.

2. Phạm vi xây dựng phương án giá

Phương án giá được xây dựng trên cơ sở danh mục dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và danh mục kỹ thuật thuộc phạm vi Giấy phép hoạt động của Trạm Y tế phường Đường Hào, đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trạm Y tế có trách nhiệm rà soát từng dịch vụ, đối chiếu tên dịch vụ, mã dịch vụ, phạm vi chuyên môn và quyết định phê duyệt danh mục kỹ thuật có liên quan; chỉ đề xuất giá đối với những dịch vụ có đủ căn cứ pháp lý và chuyên môn.

II. NGUYÊN TẮC VÀ YÊU CẦU XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN GIÁ

1. Bảo đảm đúng quy định pháp luật

Việc xây dựng phương án giá phải tuân thủ các quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Luật Giá, các văn bản hướng dẫn thi hành và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Phương pháp định giá được lựa chọn theo quy định tại Thông tư số 21/2024/TT-BYT; việc lựa chọn phương pháp, xác định chi phí và tính toán giá phải có thuyết minh cụ thể, số liệu kiểm tra được và tài liệu chứng minh kèm theo.

2. Bảo đảm tính chính xác, công khai và minh bạch

Các khoản chi phí, số liệu đầu vào, căn cứ tính giá và mức giá đề xuất phải được rà soát, đối chiếu và giải trình rõ ràng. Không đưa vào phương án những khoản chi phí không có căn cứ hoặc tính trùng chi phí.

Mỗi dịch vụ đề xuất giá phải có thông tin xác định được tên dịch vụ, mã dịch vụ (nếu có), căn cứ chuyên môn, căn cứ xác định giá và phương pháp tính tương ứng.

3. Bảo đảm mức giá đề xuất có căn cứ

Khi xây dựng phương án giá, Trạm Y tế phải thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn, tài chính của cơ quan có thẩm quyền; xác định các yếu tố chi phí theo phương pháp định giá được lựa chọn.

Mức lương cơ sở dùng để tính giá thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 6446/SYT-KHTC ngày 28/9/2026 của Sở Y tế, là 2.340.000 đồng. Chi phí quản lý được xác định theo hướng dẫn tại Công văn số 8022/BYT-KHTC ngày 23/11/2025 của Bộ Y tế và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Mức giá đề xuất không được vượt mức giá cao nhất của dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tương ứng do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định theo hướng dẫn tại Công văn số 6446/SYT-KHTC.

Đối với các mức giá đang được tổng hợp trong bảng tính của Trạm, phải kiểm tra lại căn cứ áp dụng, cách xác định chi phí quản lý và kết quả tính toán trước khi trình thẩm định; không mặc nhiên coi mức giá trong bảng dự kiến là mức giá đã được phê duyệt.

4. Bảo đảm quyền lợi của người bệnh

Việc xây dựng phương án giá phải gắn với yêu cầu nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, sử dụng hợp lý các nguồn lực, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người bệnh; không làm phát sinh các khoản thu trái quy định hoặc gây khó khăn cho người dân khi tiếp cận dịch vụ y tế.

5. Bảo đảm trách nhiệm giải trình

Các bộ phận, cá nhân được giao nhiệm vụ phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu và nội dung tham mưu thuộc phạm vi phụ trách; kịp thời giải trình, chỉnh sửa khi phát hiện sai sót hoặc khi có yêu cầu của cơ quan thẩm định.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đối với lãnh đạo Trạm Y tế

Tổ chức triển khai thực hiện chủ trương xây dựng phương án giá; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận, cá nhân có liên quan; chỉ đạo việc rà soát danh mục dịch vụ, tổng hợp số liệu, lập bảng tính, hoàn thiện thuyết minh phương án giá và chuẩn bị hồ sơ trình UBND phường.

Chịu trách nhiệm kiểm tra toàn bộ hồ sơ trước khi trình, bảo đảm tính thống nhất giữa tờ trình, văn bản phương án giá, danh mục giá và các tài liệu kèm theo.

2. Đối với bộ phận chuyên môn

Rà soát danh mục kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đối chiếu với Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của Trạm; xác định các dịch vụ đủ điều kiện đưa vào phương án giá.

Kiểm tra tên gọi, mã dịch vụ, phạm vi chuyên môn và các thông tin liên quan; lập danh sách những dịch vụ cần bổ sung tài liệu, điều chỉnh thông tin hoặc làm rõ căn cứ trước khi trình thẩm định.

3. Đối với bộ phận kế toán, tài chính và người được giao tổng hợp số liệu

Phối hợp thu thập, kiểm tra và tổng hợp các số liệu phục vụ việc tính giá, lập bảng tính chi tiết theo phương pháp được lựa chọn; thuyết minh nguồn số liệu, căn cứ xác định các khoản chi phí, cách phân bổ và kết quả tính giá.

Kiểm tra phép tính, đơn vị tính, mức giá đề xuất và sự thống nhất giữa bảng tính với danh mục giá. Đặc biệt, phải làm rõ căn cứ của mức giá đang áp dụng và cách xác định chi phí quản lý theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

4. Đối với Hội đồng xây dựng phương án giá

Tổ chức họp, thảo luận và rà soát phương án giá trên cơ sở hồ sơ, số liệu do các bộ phận cung cấp; ghi nhận đầy đủ ý kiến của các thành viên và kết quả thống nhất tại biên bản họp.

Đề xuất chỉnh sửa, bổ sung những nội dung chưa đầy đủ; hoàn thiện hồ sơ trước khi trình Giám đốc Trạm xem xét, ký trình UBND phường.

Hội đồng thực hiện nhiệm vụ theo quyết định thành lập của người có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về nội dung tham mưu trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

5. Về hồ sơ trình thẩm định

Trạm Y tế có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ các tài liệu theo hướng dẫn tại Công văn số 6446/SYT-KHTC, gồm:

- Tờ trình phương án giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.
- Danh mục giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.
- Văn bản phương án giá, kèm thuyết minh phương pháp và số liệu tính giá.
- Nghị quyết của cấp ủy về chủ trương xây dựng phương án giá.
- Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng phương án giá.
- Biên bản họp Hội đồng xây dựng phương án giá.
- Các quyết định phê duyệt danh mục kỹ thuật của cấp có thẩm quyền.
- Các hồ sơ, tài liệu có liên quan phục vụ việc kiểm tra, đối chiếu và thẩm định.

Hồ sơ phải được sắp xếp khoa học, có danh mục tài liệu kèm theo; các số liệu và phụ lục phải thống nhất, thuận tiện cho việc kiểm tra, thẩm định.

6. Về tiến độ thực hiện

Trạm Y tế khẩn trương hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu tại Công văn số 6706/SYT-KHTC ngày 08/10/2026; chủ động phối hợp với UBND phường và các bộ phận liên quan để giải trình, bổ sung tài liệu khi được yêu cầu.

Sau khi hoàn thiện, hồ sơ được trình UBND phường tổ chức thẩm định theo quy định.

Việc gửi hồ sơ đến Sở Y tế được thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, bảo đảm thời hạn yêu cầu.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng bộ Trạm Y tế

Lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai Nghị quyết; tăng cường trách nhiệm của đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ được phân công; thường xuyên kiểm tra tiến độ và kịp thời chỉ đạo giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

2. Ban lãnh đạo Trạm Y tế

Cụ thể hóa Nghị quyết thành nhiệm vụ triển khai trong đơn vị; phân công rõ người thực hiện, thời hạn hoàn thành và trách nhiệm kiểm tra; bảo đảm việc xây dựng phương án giá được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

3. Đảng viên và các cá nhân có liên quan

Căn cứ chức trách, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp thực hiện; cung cấp đầy đủ hồ sơ, số liệu, tài liệu chuyên môn và tài chính; chịu trách nhiệm về nội dung thuộc phạm vi phụ trách.

4. Chế độ báo cáo

Trong quá trình thực hiện, các bộ phận báo cáo tiến độ và những khó khăn, vướng mắc với lãnh đạo Trạm để tổng hợp, xem xét giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn.

V. KẾT LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT

Đảng bộ Trạm Y tế phường Đường Hào thống nhất chủ trương xây dựng phương án giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại Trạm Y tế phường Đường Hào theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Giao lãnh đạo Trạm Y tế tổ chức triển khai thực hiện; chỉ đạo các bộ phận liên quan hoàn thiện hồ sơ, trình UBND phường Đường Hào thẩm định theo quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc nội dung vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn.

Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đảng bộ ngày 13 tháng 10 năm 2026 với 29/29 đảng viên có mặt tán thành, đạt tỷ lệ 100%.

Nghị quyết được phổ biến đến toàn thể đảng viên trong Đảng bộ để tổ chức thực hiện.

Nơi nhận:

- Đảng ủy phường Đường Hào (báo cáo);
- Lưu Đảng bộ.

**T.M ĐẢNG BỘ
BÍ THƯ**



Số: 68 /QĐ-TYT

Đường Hào, ngày 12...tháng 12...năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng xây dựng phương án giá dịch vụ khám bệnh chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ BHYT thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu áp dụng tại Trạm Y tế phường Đường Hào

GIÁM ĐỐC TRẠM Y TẾ PHƯỜNG ĐƯỜNG HÀO

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ thông tư 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế Hướng dẫn phương pháp định giá đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ thông tư 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế Ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 và Quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 13/4/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND phường Đường Hào về việc thành lập Trạm Y tế phường Đường Hào;

Thực hiện Công văn số 4259/SYT-KHTC ngày 01/7/2026 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên về việc lập hồ sơ phương án giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các đơn vị y tế công lập trên địa bàn tỉnh;

Thực hiện hướng dẫn tại Công văn số 6706/SYT-KHTC ngày 08/10/2026 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên về việc lập hồ sơ phương án giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các đơn vị y tế công lập trên địa bàn tỉnh.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Nhân sự,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Hội đồng xây dựng phương án giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá dịch vụ khám chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh

không thuộc danh mục do quỹ BHYT thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu áp dụng tại Trạm Y tế phường Đường Hào gồm các ông (bà) có tên như sau:

1	Bà Cao Thị Thu Hằng	CN YTCC	Giám đốc	Tổ trưởng
2	Bà Đỗ Thị Thu Huyền	Bác sĩ	Phó Giám đốc	Tổ phó thường trực
3	Ông Nguyễn Trọng Tài	CN Điều dưỡng	Phó Giám đốc	Tổ phó
4	Bà Đỗ Thị Cúc	Kế toán	Phó phòng TCHCNS-KTT	Thư ký
5	Ông Nguyễn Minh Tân	CN PHCN	Trưởng phòng TCHCNS	Thành viên
6	Bà Lê Thị Mai	CN Điều dưỡng	TK phòng bệnh	Thành viên
7	Bà Phạm Thị Thu Hà	Y sĩ	TK DS, TE & BTXH	Thành viên
8	Bà Ngô Thị Khánh Vân	CN Điều dưỡng	Phó khoa Khám bệnh	Thành viên
9	Bà Nguyễn Thị Luy	NHS ĐH	Phó khoa Dược, TBYT, CLS	Thành viên

Điều 2: Tổ thực hiện nhiệm vụ do Giám đốc TYT phân công và có trách nhiệm giúp Giám đốc thực hiện nhiệm vụ sau:

- Rà soát, đối chiếu danh mục kỹ thuật được đơn vị có thẩm quyền phê duyệt, thuộc quỹ BHYT thanh toán và danh mục không thuộc quỹ BHYT thanh toán nhưng không phải là dịch vụ theo yêu cầu với danh mục kỹ thuật tại Phụ lục II Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế. Đề xuất các danh mục kỹ thuật phù hợp với chức năng nhiệm vụ, khả năng cung cấp của TYT.

- Lập phương án giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế cho các đơn vị.

Điều 3: Trưởng/phó/phụ trách các khoa/phòng và các ông bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Tổ tự động giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Y tế;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Cao Thị Thu Hằng

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN GIÁ DỊCH VỤ
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ÁP DỤNG TẠI TYT ĐƯỜNG HÀO**

(Về việc Thông qua phương án giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ BHYT thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ BHYT thanh toán mà không phải là giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu áp dụng tại Trạm Y tế phường Đường Hào)

I. THỜI GIAN: 10 giờ 00 ngày 13...tháng 10...năm 2026

II. ĐỊA ĐIỂM: Hội trường Trạm Y tế phường Đường Hào

III. THÀNH PHẦN DỰ HỌP

1. Chủ tọa: Bà Cao Thị Thu Hằng - Giám đốc BVĐK – Tổ trưởng

2. Thư ký: Bà Đỗ Thị Cúc – Phó phòng TCHCNS-KTT

3. Các thành viên:

1	Bà Đỗ Thị Thu Huyền	Bác sĩ	Phó Giám đốc	Tổ phó thường trực
2	Ông Nguyễn Trọng Tài	CN Điều dưỡng	Phó Giám đốc	Tổ phó
3	Bà Đỗ Thị Cúc	Kế toán	Phó phòng TCHCNS-KTT	Thư ký
4	Ông Nguyễn Minh Tân	CN PHCN	Trưởng phòng TCHCNS	Thành viên
5	Bà Lê Thị Mai	CN Điều dưỡng	TK phòng bệnh	Thành viên
6	Bà Phạm Thị Thu Hà	Y sĩ	TK DS, TE & BTXH	Thành viên
7	Bà Ngô Thị Khánh Vân	CN Điều dưỡng	Phó khoa Khám bệnh	Thành viên

IV. NỘI DUNG CUỘC HỌP

- Bà Cao Thị Thu Hằng: Triển khai Công văn số 4259/SYT-KHTC ngày 01/7/2026 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên về việc lập hồ sơ phương án giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các đơn vị y tế công lập trên địa bàn tỉnh.

+ Trạm Y tế phường Đường Hào đang áp dụng thanh toán theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh được quy định tại Nghị quyết số 548/NQ-HĐND ngày 31/12/2024 của HĐND tỉnh Hưng Yên (cũ) về giá dịch vụ KCB áp dụng cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

+ Danh mục dịch vụ kỹ thuật của Nghị quyết trên được xây dựng trên cơ sở Phụ lục 1 của Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh.

- Ông Nguyễn Minh Tân: Phòng TC-HC-NS đề xuất phương án giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh mới tại Trạm Y tế.

Bà Đỗ Thị Cúc: Về danh mục kỹ thuật theo Phụ lục 01 của Thông tư 23/2024/TT-BYT của Bộ Y tế về danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh, phòng TC-HC-NS sau khi họp tổ xây dựng phương án giá đối chiếu, rà soát QĐ 608/QĐ-SYT ngày 21/4/2026 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt DMKT trong khám bệnh, chữa bệnh tại TYT phường Đường Hào, với Quyết định 7435/2018/QĐ-BYT về danh mục tương đương kỹ thuật theo TT43, 21 với danh mục giá theo TT 21/2023/TT-BYT; TT 22/2023/TT-BYT với danh mục theo Thông tư 23/2024/TT-BYT để làm căn cứ so sánh giá. Về phương án giá phòng đồng ý với đề xuất phương án giá của ông Nguyễn Minh Tân.

Bà Cao Thị Thu Hằng: Đề nghị các thành viên trong Tổ cho ý kiến.

Bà Đỗ Thị Thu Huyền: Về cơ bản, theo báo cáo phòng TC-HC-NS đã xây dựng phương án giá tuân thủ theo các quy định của pháp luật có liên quan. Đồng ý với phương án giá đề xuất của phòng TC-HC-NS.

Ông Nguyễn Trọng Tài: Thống nhất với đề xuất điều chỉnh phương án tính giá của phòng TC-HC-NS làm cơ sở trình UBND phường Đường Hào thẩm định.

Bà Lê Thị Mai: Nhất trí với đề xuất phương án tính giá của phòng TC-HC-NS đưa ra.

Các thành viên khác trong Tổ xây dựng phương án giá đều đồng ý với phương án giá của phòng TC-HC-NS.

V. KẾT LUẬN

Bà Cao Thị Thu Hằng đưa ra ý kiến kết luận cuộc họp như sau:

- Phòng TC-HC-NS báo cáo, lập hồ sơ Phương án giá trình UBND phường Đường Hào thẩm định.

- Sau khi có Quyết định, phòng TC-HC-NS triển khai thực hiện.

Hội nghị kết thúc lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày. Biên bản đã được thông qua, không ai có ý kiến khác.



Cao Thị Thu Hằng

Thư ký

A handwritten signature in blue ink, likely belonging to Đỗ Thị Cúc.

Đỗ Thị Cúc

PHƯƠNG ÁN GIÁ DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Thuộc danh mục do quỹ BHYT thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc Nhà nước thanh toán; giá khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ BHYT thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu áp dụng tại Trạm Y tế phường Đường Hào và các Điểm Trạm Y tế thuộc Trạm Y tế phường Đường Hào

(Ban hành kèm theo Công văn số 181/CV-TYT ngày 14 tháng 10 năm 2026)

I. THỰC TRẠNG VIỆC XÂY DỰNG GIÁ DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ÁP DỤNG TẠI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG ĐƯỜNG HÀO

Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn Luật được ban hành có hiệu lực từ 01/01/2024 và Luật giá có hiệu lực từ 01/7/2024, trong đó quy định rõ các yếu tố cấu thành giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, thẩm quyền quyết định giá, phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh. Đây là một trong những cơ sở pháp lý quan trọng giúp trạm có căn cứ pháp lý xây dựng giá dịch vụ khám, chữa bệnh

Trạm Y tế phường Đường Hào là đơn vị sự nghiệp công lập.

Trạm Y tế phường Đường Hào hiện đang thực hiện thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người bệnh thuộc danh mục do quỹ BHYT thanh toán, do Ngân sách Nhà nước thanh toán và người bệnh không thuộc danh mục do quỹ BHYT thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu cụ thể như sau:

- Người bệnh không có BHYT: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 21/2023/TT- BYT ngày 17/11/2023 của Bộ Y tế quy khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp; Nghị quyết số 548/NQ-HĐND ngày 31/12/2024 của HĐND tỉnh Hưng Yên quy định mức giá dịch vụ, khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Hưng Yên quản lý.

- Khám chữa bệnh thuộc danh mục BHYT thanh toán: Thực hiện theo giá dịch vụ y tế quy định tại Thông tư số 22/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ Y

tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

II. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC XÂY DỰNG GIÁ DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG ĐƯỜNG HÀO

- Thực hiện Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 và Quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 13/4/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND phường Đường Hào về việc thành lập Trạm Y tế phường Đường Hào;

- Như vậy, Trạm Y tế phường Đường Hào là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban Nhân dân phường Đường Hào có chức năng cung cấp, thực hiện dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật thuộc các lĩnh vực: phòng bệnh; khám bệnh, chữa bệnh; quản lý, nâng cao sức khỏe cộng đồng; bảo vệ, chăm sóc bà mẹ và trẻ em; chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật; bảo trợ xã hội; dân số; an toàn thực phẩm; dược; thiết bị y tế và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

- Vì vậy, việc xây dựng phương án giá khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành tại Trạm Y tế phường Đường Hào là rất cần thiết.

III. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

- Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023;

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nghị định số 96/2023/ NĐ-CP ngày 30/12/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

- Thông tư số 19/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 của Bộ Y tế hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế- kỹ thuật của dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

- Thông tư 21/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ Y tế quy định khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

- Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

- Thông tư 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế ban hành danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh.
- Quyết định 608/QĐ-SYT ngày 21/4/2026 và QĐ số 1530/QĐ-SYT ngày 04/9/2026 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt DMKT trong khám bệnh, chữa bệnh tại TYT phường Đường Hào.
- Nghị quyết số 335/NQ-CP ngày 17/10/2025 của Chính phủ về việc tính chi phí quản lý vào giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.
- Công văn số 6706/SYT-KHTC ngày 08/10/2026 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên về việc lập hồ sơ phương án giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các đơn vị y tế công lập trên địa bàn tỉnh.

IV. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN XÂY DỰNG GIÁ

1. Mục tiêu

Giúp Trạm Y tế phường Đường Hào có đầy đủ căn cứ pháp lý để triển khai, áp giá các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ BHYT thanh toán, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ BHYT thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đúng quy định hiện hành.

2. Danh mục các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong phương án giá đề xuất bao gồm:

- Dịch vụ khám bệnh;
- Dịch vụ kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh.

3. Các yếu tố cấu thành giá: được quy định tại Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

Tuy nhiên, hiện nay giá dịch vụ KBCB mới tính chi phí trực tiếp và tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng. Do vậy, TYT đề xuất điều chỉnh giá KBCB trong đó đưa chi phí quản lý theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 110 Luật Khám bệnh, chữa bệnh và điểm d khoản 3 Điều 119 Nghị định 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể tại mục 4 dưới đây.

4. Phương pháp đề xuất điều chỉnh giá khám bệnh, chữa bệnh

- Chi phí trực tiếp, chi phí tiền lương: căn cứ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Thông tư 21/2024/TT-BYT, Trạm Y tế sử dụng phương pháp so sánh với thông tin của các dịch vụ kỹ thuật tương ứng hiện đang được phê duyệt giá KBCB tại Trạm Y tế và các bệnh viện tương đương. Theo đó, Trạm Y tế đề xuất



giữ nguyên chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương trong phương án giá đã quy định giá dịch vụ KBCB hiện nay.

- Yếu tố chi phí quản lý là chi phí của đơn vị quản lý gián tiếp phục vụ để thực hiện dịch vụ KCB và chi phí cho các hoạt động dùng chung của cơ sở khám bệnh, yếu tố chi phí quy định tại Luật KCB số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội khóa 15, Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ đã được thống nhất cho đưa vào theo Nghị quyết số 335/NQ-CP ngày 17/10/2025 của Chính phủ về việc tính chi phí quản lý vào giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, Công văn số 8022/BYT-KHTC ngày 18/11/2025 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 335/NQ-CP ngày 17/10/2025 của Chính phủ, cụ thể:

+ Chi phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị y tế, tài sản cố định; chi kiểm định, hiệu chuẩn tài sản, mua sắm thiết bị, công cụ, dụng cụ, vật tư, phương tiện, văn phòng phẩm phục vụ cho bộ phận quản lý, gián tiếp và hoạt động chung của đơn vị;

+ Chi phí bảo vệ môi trường, kiểm soát nhiễm khuẩn, chi phí quản lý chất lượng; chi phí đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ sức khỏe người lao động, dự phòng lây nhiễm HIV;

+ Chi phí đào tạo, nghiên cứu khoa học; nhận chuyển giao các kỹ thuật, đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn;

+ Chi phí điện, nước, nhiên liệu; cước dịch vụ viễn thông, bưu chính; chi phí ứng dụng hoặc thuê công nghệ thông tin hoặc thuê dịch vụ, phần mềm quản lý; bảo đảm an ninh, an toàn người bệnh; vệ sinh, môi trường, xử lý chất thải; các chi phí thuê, mua ngoài khác phục vụ cho khám bệnh, chữa bệnh;

+ Chi phí in ấn, phô tô tài liệu, ấn phẩm dùng cho chuyên môn; chi phí cho công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh, thương hiệu theo quy định;

+ Chi phí phòng cháy và chữa cháy; chi phí quản lý chất lượng; chi phí liên quan đến bảo quản, hao hụt, hủy thuốc, vật tư; chi phí dự phòng rủi ro; chi phí về thanh lý, xử lý tài sản theo quy định;

+ Các khoản chi phí quản lý khác...

- Trạm Y tế phường Đường Hào đã lấy chi phí cơ bản phát sinh trong quý 3/2026 để ước tính chi phí quản lý năm 2026 và tính được tỷ lệ % chi phí quản lý là: 4,15%.

Tuy nhiên, tại khoản 6 Điều 110 Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội quy định: "Hội đồng nhân dân cấp

tính quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh quy định tại điểm b khoản 5 điều này đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn quản lý được phân quyền nhưng không được vượt quá giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tương ứng do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định”.

Và theo các Quyết định của Bộ Y tế ban hành giá cho các Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế, chi phí quản lý bằng 4% (chi phí trực tiếp+chi phí tiền lương 2,34).

Do vậy, Trạm Y tế phường Đường Hào đề xuất lấy chi phí quản lý bằng 4% (chi phí trực tiếp + chi phí tiền lương 2.34), cụ thể:

- Chi phí quản lý = (chi phí trực tiếp + phụ cấp và tiền lương 2,34 triệu đồng) (chưa làm tròn) x 4%.

Trên cơ sở đó, giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đề xuất sẽ được xác định theo công thức:

$$\text{Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đề xuất} = \text{Chi phí trực tiếp} + \text{Chi phí tiền lương} + \text{Chi phí quản lý}$$

Vì vậy, Trạm Y tế phường Đường Hào đề xuất mức giá của từng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo phụ lục đính kèm.

5. Tổ chức thực hiện

STT	Nội dung	Trách nhiệm	Thời gian dự kiến
1	Trình UBND phường phương án giá: - Tờ trình - Phương án giá - Biên bản họp thẩm định của đơn vị	Phòng HCTCNS	
2	Cập nhật giá đã được phê duyệt trên phần mềm HIS	Phòng HCTCNS	Trong vòng 1 ngày khi nhận được Quyết định của HĐND tỉnh
3	Công khai giá tại Trạm Y tế	Phòng HCTCNS	Trong vòng 1 ngày khi nhận được Quyết định của HĐND tỉnh

6. Công tác quản lý thu chi, phân phối nguồn thu

6.1. Quản lý nguồn thu

Trạm Y tế phường Đường Hào chịu trách nhiệm thu và quản lý nguồn thu từ dịch vụ khám chữa bệnh theo đúng quy định.

6.2. Phân phối nguồn thu

Trạm Y tế phường Đường Hào thực hiện chi trả tiền lương, tiền công, thu nhập tăng thêm theo quy định hiện hành. Mức chi được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trạm.

IV. KIẾN NGHỊ

Sớm xem xét, thẩm định và phê duyệt giá KBCB tại Trạm Y tế phường Đường Hào theo đề xuất nêu trên và danh mục các dịch vụ tại các phụ lục đính kèm./

Đường Hào, ngày 14 tháng 10 năm 2026



Cao Thị Thu Hằng

UBND PHƯỜNG ĐƯỜNG HÀO
TRẠM Y TẾ PHƯỜNG ĐƯỜNG HÀO



PHỤ LỤC
GIÁ DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐỀ XUẤT PHÊ DUYỆT CỦA TRẠM Y TẾ PHƯỜNG ĐƯỜNG HÀO
(Gửi kèm theo CV số...../CV_TYT ngày tháng.....năm 2026 của TYT phường Đường Hào)

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Giá do quỹ BHYT thanh toán (đồng)	Giá ngoài quỹ BHYT, không theo yêu cầu (đồng)	Ghi chú
1		Công khám	Công khám	38.000	38.000	
2	01.0065.0071	Bóp bóng ambu qua mặt nạ	Bóp bóng ambu qua mặt nạ	258.400	258.400	
3	01.0158.0074	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	553.800	553.800	
4	03.0113.0074	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	553.800	553.800	
5	01.0053.0075	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	41.900	41.900	
6	03.1703.0075	Cắt chỉ khâu da	Cắt chỉ khâu da	41.900	41.900	
7	10.9004.0075	Cắt chỉ	Cắt chỉ	41.900	41.900	
8	15.0302.0075	Cắt chỉ sau phẫu thuật	Cắt chỉ sau phẫu thuật	41.900	41.900	
9	01.0216.0103	Đặt ống thông dạ dày	Đặt ống thông dạ dày	105.900	105.900	
10	02.0244.0103	Đặt ống thông dạ dày	Đặt ống thông dạ dày	105.900	105.900	
11	03.0167.0103	Đặt ống thông dạ dày	Đặt ống thông dạ dày	105.900	105.900	
12	02.0150.0114	Hút đờm hầu họng	Hút đờm hầu họng	14.700	14.700	
13	01.0218.0159	Rửa dạ dày cấp cứu	Rửa dạ dày cấp cứu	158.100	158.100	
14	02.0313.0159	Rửa dạ dày cấp cứu	Rửa dạ dày cấp cứu	158.100	158.100	
15	03.0168.0159	Rửa dạ dày cấp cứu	Rửa dạ dày cấp cứu	158.100	158.100	
16	03.4246.0198	Tháo bột các loại	Tháo bột các loại	63.800	63.800	
17	11.0116.0199	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	290.700	290.700	
18	03.3911.0200	Thay băng, cắt chỉ	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài ≤ 15cm]	66.800	66.800	
19	03.3826.0200	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài ≤ 15cm]	66.800	66.800	
20	10.9003.0200	Thay băng	Thay băng [chiều dài ≤ 15cm]	66.800	66.800	
21	15.0303.0200	Thay băng vết mổ	Thay băng vết mổ [chiều dài ≤ 15cm]	66.800	66.800	
22	07.0225.0200	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài ≤ 15cm]	66.800	66.800	



23	03.3911.0201	Thay băng, cắt chi	Thay băng, cắt chi[chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	93.100	93.100	
24	10.9003.0201	Thay băng	Thay băng [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	93.100	93.100	
25	07.0225.0201	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	93.100	93.100	
26	03.3826.2047	Thay băng, cắt chi vết mổ	Thay băng, cắt chi vết mổ[chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	93.100	93.100	
27	15.0303.2047	Thay băng vết mổ	Thay băng vết mổ[chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	93.100	93.100	
28	03.3911.0202	Thay băng, cắt chi	Thay băng, cắt chi[chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	126.200	126.200	
29	03.3826.0202	Thay băng, cắt chi vết mổ	Thay băng, cắt chi vết mổ[chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	126.200	126.200	
30	10.9003.0202	Thay băng	Thay băng [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	126.200	126.200	
31	15.0303.0202	Thay băng vết mổ	Thay băng vết mổ[chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	126.200	126.200	
32	07.0225.0202	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường dài từ trên 30 cm đến 50 cm [chiều dài cm]	126.200	126.200	
33	01.0267.0203	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	154.600	154.600	
34	02.0163.0203	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	154.600	154.600	
35	03.3911.0203	Thay băng, cắt chi	Thay băng, cắt chi[chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng]	154.600	154.600	
36	03.3826.0203	Thay băng, cắt chi vết mổ	Thay băng, cắt chi vết mổ[chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng]	154.600	154.600	
37	10.9003.0203	Thay băng	Thay băng [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng]	154.600	154.600	
38	07.0225.0203	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng]	154.600	154.600	
39	01.0267.0204	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	201.400	201.400	
40	03.3911.0204	Thay băng, cắt chi	Thay băng, cắt chi[chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	201.400	201.400	
41	03.3826.0204	Thay băng, cắt chi vết mổ	Thay băng, cắt chi vết mổ[chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	201.400	201.400	

42	10.9003.0204	Thay băng	Thay băng [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	201.400	201.400	
43	15.0303.0204	Thay băng vết mổ	Thay băng vết mổ [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	201.400	201.400	
44	07.0225.0204	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay trên tháo băng người bệnh đái tháo đường [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	201.400	201.400	
45	01.0267.0205	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	286.600	286.600	
46	03.3911.0205	Thay băng, cắt chi	Thay băng, cắt chi [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	286.600	286.600	
47	03.3826.0205	Thay băng, cắt chi vết mổ	Thay băng, cắt chi vết mổ [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	286.600	286.600	
48	10.9003.0205	Thay băng	Thay băng [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	286.600	286.600	
49	15.0303.0205	Thay băng vết mổ	Thay băng vết mổ [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	286.600	286.600	
50	07.0225.0205	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	286.600	286.600	
51	01.0160.0210	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	105.900	105.900	
52	01.0164.0210	Thông bàng quang	Thông bàng quang	105.900	105.900	
53	02.0188.0210	Đặt sonde bàng quang	Đặt sonde bàng quang	105.900	105.900	
54	03.0133.0210	Thông tiểu	Thông tiểu	105.900	105.900	
55	01.0223.0211	Đặt ống thông hậu môn	Đặt ống thông hậu môn	96.100	96.100	
56	01.0222.0211	Thụt giữ	Thụt giữ	96.100	96.100	
57	01.0221.0211	Thụt tháo	Thụt tháo	96.100	96.100	
58	02.0247.0211	Đặt ống thông hậu môn	Đặt ống thông hậu môn	96.100	96.100	
59	03.0178.0211	Đặt sonde hậu môn	Đặt sonde hậu môn	96.100	96.100	
60	03.2358.0211	Đặt sonde hậu môn	Đặt sonde hậu môn	96.100	96.100	
61	03.2389.0212	Tiêm bắp thịt	Tiêm bắp thịt	15.700	15.700	
62	03.2388.0212	Tiêm dưới da	Tiêm dưới da	15.700	15.700	
63	03.2390.0212	Tiêm tĩnh mạch	Tiêm tĩnh mạch	15.700	15.700	
64	03.2387.0212	Tiêm trong da	Tiêm trong da	15.700	15.700	
65	14.0291.0212	Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch	Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch	15.700	15.700	
66	14.0290.0212	Tiêm trong da; tiêm dưới da; tiêm bắp thịt	Tiêm trong da; tiêm dưới da; tiêm bắp thịt	15.700	15.700	
67	03.2391.0215	Truyền tĩnh mạch	Truyền tĩnh mạch	26.100	26.100	
68	03.3827.0216	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm [tổn thương nông]	202.500	202.500	

HÀ
TẾ
NG
G H
*

69	03.2245.0216	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn thương nông chiều dài < 10 cm]	202.500	202.500	
70	10.9005.0219	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương sâu]	368.400	368.400	
71	10.9005.0216	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương nông chiều dài < 10 cm]	202.500	202.500	
72	03.3827.0218	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm [tổn thương sâu]	301.100	301.100	
73	03.2245.0218	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn thương sâu chiều dài < 10 cm]	301.100	301.100	
74	10.9005.0218	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương sâu chiều dài < 10 cm]	301.100	301.100	
75	15.0301.0218	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương sâu chiều dài < 10 cm]	301.100	301.100	
76	03.3825.0219	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương sâu]	368.400	368.400	
77	03.2245.0219	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn thương sâu chiều dài ≥ 10 cm]	368.400	368.400	
78	15.0301.0219	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương sâu chiều dài ≥ 10 cm]	368.400	368.400	
79	03.0287.0222	Bó thuốc	Bó thuốc	59.900	59.900	
80	08.0026.0222	Bó thuốc	Bó thuốc	59.900	59.900	
81	03.0288.0228	Chườm ngải	Chườm ngải	38.500	38.500	
82	08.0009.0228	Cứu	Cứu	38.500	38.500	
83	08.0452.0228	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	38.500	38.500	
84	08.0451.0228	Cứu điều trị hội chứng thất lưng- hông thể phong hàn	Cứu điều trị hội chứng thất lưng- hông thể phong hàn	38.500	38.500	
85	08.0005.2046	Điện châm	Điện châm [kim dài]	88.800	88.800	
86	08.0293.0230	Điện châm điều trị bí đại cơ năng	Điện châm điều trị bí đại cơ năng	81.500	81.500	
87	08.0282.0230	Điện châm điều trị cảm mạo	Điện châm điều trị cảm mạo	81.500	81.500	
88	08.0290.0230	Điện châm điều trị cơn đau quận thận	Điện châm điều trị cơn đau quận thận	81.500	81.500	
89	08.0281.0230	Điện châm điều trị hội chứng stress	Điện châm điều trị hội chứng stress	81.500	81.500	
90	08.0278.0230	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	81.500	81.500	
91	08.0295.0230	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	81.500	81.500	
92	08.0316.0230	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	81.500	81.500	

93	08.0296.0230	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	81.500	81.500	
94	08.0285.0230	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	81.500	81.500	
95	08.0289.0230	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	81.500	81.500	
96	08.0311.0230	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	81.500	81.500	
97	08.0485.0235	Giác hơi	Giác hơi	38.200	38.200	
98	08.0481.0235	Giác hơi điều trị các chứng đau	Giác hơi điều trị các chứng đau	38.200	38.200	
99	08.0482.0235	Giác hơi điều trị cảm cúm	Giác hơi điều trị cảm cúm	38.200	38.200	
100	03.0774.0237	Điều trị bằng tia hồng ngoại	Điều trị bằng tia hồng ngoại	42.600	42.600	
101	08.0028.0259	Luyện tập đường sinh	Luyện tập đường sinh	34.700	34.700	
102	17.0044.0268	Tập đi với gậy	Tập đi với gậy	34.700	34.700	
103	17.0043.0268	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	34.700	34.700	
104	17.0075.0277	Tập ho có trợ giúp	Tập ho có trợ giúp	34.200	34.200	
105	08.0483.0280	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay	79.100	79.100	
106	08.0444.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	79.100	79.100	
107	08.0442.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đại cơ năng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đại cơ năng	79.100	79.100	
108	08.0433.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt	79.100	79.100	
109	08.0400.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	79.100	79.100	
110	08.0397.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	79.100	79.100	
111	08.0396.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	79.100	79.100	
112	08.0449.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đại đâm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đại đâm	79.100	79.100	
113	08.0437.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh	79.100	79.100	
114	08.0429.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp	79.100	79.100	
115	08.0430.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	79.100	79.100	
116	08.0425.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	79.100	79.100	
117	08.0447.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	79.100	79.100	
118	08.0401.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác	79.100	79.100	
119	08.0418.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực	79.100	79.100	
120	08.0420.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	79.100	79.100	
121	08.0426.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	79.100	79.100	

122	08.0407.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng ngoại tháp	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng ngoại tháp	79.100	79.100	
123	08.0410.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng stress	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng stress	79.100	79.100	
124	08.0419.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền đình	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền đình	79.100	79.100	
125	08.0438.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền mãn kinh	79.100	79.100	
126	08.0432.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng vai gáy	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng vai gáy	79.100	79.100	
127	08.0424.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị huyết áp thấp	Xoa bóp bấm huyết điều trị huyết áp thấp	79.100	79.100	
128	08.0417.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị lác cơ năng	Xoa bóp bấm huyết điều trị lác cơ năng	79.100	79.100	
129	08.0390.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi dưới	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi dưới	79.100	79.100	
130	08.0389.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi trên	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi trên	79.100	79.100	
131	08.0414.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	79.100	79.100	
132	08.0402.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do bệnh của cơ	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do bệnh của cơ	79.100	79.100	
133	08.0393.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do viêm não	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do viêm não	79.100	79.100	
134	08.0391.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	79.100	79.100	
135	08.0409.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị mất ngủ	Xoa bóp bấm huyết điều trị mất ngủ	79.100	79.100	
136	08.0427.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị nấc	Xoa bóp bấm huyết điều trị nấc	79.100	79.100	
137	08.0434.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	79.100	79.100	
138	08.0441.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác nông	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác nông	79.100	79.100	
139	08.0445.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	79.100	79.100	
140	08.0436.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn kinh nguyệt	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn kinh nguyệt	79.100	79.100	
141	08.0440.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn tiêu hóa	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn tiêu hóa	79.100	79.100	
142	08.0415.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị sụp mí	Xoa bóp bấm huyết điều trị sụp mí	79.100	79.100	
143	08.0435.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị tắc tia sữa	Xoa bóp bấm huyết điều trị tắc tia sữa	79.100	79.100	
144	08.0406.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị tâm căn suy nhược	Xoa bóp bấm huyết điều trị tâm căn suy nhược	79.100	79.100	
145	08.0413.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương dây thần kinh V	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương dây thần kinh V	79.100	79.100	
146	08.0412.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	79.100	79.100	
147	08.0428.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm khớp dạng thấp	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm khớp dạng thấp	79.100	79.100	
148	08.0421.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm mũi xoang	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm mũi xoang	79.100	79.100	

149	08.0431.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	79.100	79.100	
150	08.0395.0280	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	79.100	79.100	
151	03.0808.0283	Xoa bóp toàn thân bằng tay	Xoa bóp toàn thân bằng tay	67.500	67.500	
152	10.0356.0436	Dẫn lưu nước tiểu bằng quang	Dẫn lưu nước tiểu bằng quang	1.997.800	1.997.800	
153	03.2119.0505	Trích nhọt ống tai ngoài	Trích nhọt ống tai ngoài	227.200	227.200	
154	03.3909.0505	Trích rạch áp xe nhỏ	Trích rạch áp xe nhỏ	227.200	227.200	
155	13.0033.0614	Đỡ đẻ thường ngôi chòm	Đỡ đẻ thường ngôi chòm	818.200	818.200	
156	13.0030.0623	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	1.730.200	1.730.200	
157	03.1665.0773	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	1.085.200	1.085.200	
158	14.0174.0773	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	1.085.200	1.085.200	
159	28.0033.0773	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt	1.085.200	1.085.200	
160	01.0086.0898	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	28.600	28.600	
161	01.0087.0898	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	28.600	28.600	
162	02.0032.0898	Khí dung thuốc giãn phế quản	Khí dung thuốc giãn phế quản	28.600	28.600	
163	03.2191.0898	Khí dung mũi họng	Khí dung mũi họng	28.600	28.600	
164	03.0089.0898	Khí dung thuốc cấp cứu	Khí dung thuốc cấp cứu	28.600	28.600	
165	15.0222.0898	Khí dung mũi họng	Khí dung mũi họng	28.600	28.600	
166	03.2120.0899	Làm thuốc tai	Làm thuốc tai	22.900	22.900	
167	15.0058.0899	Làm thuốc tai	Làm thuốc tai	22.900	22.900	
168	15.0212.0900	Lấy dị vật họng miệng	Lấy dị vật họng miệng	44.800	44.800	
169	03.1955.1029	Nhổ răng sữa	Nhổ răng sữa	48.500	48.500	
170	16.0238.1029	Nhổ răng sữa	Nhổ răng sữa	48.500	48.500	
171	01.0281.1510	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	16.600	16.600	
172	03.0191.1510	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường	16.600	16.600	
173	23.0234.1510	Đường máu mao mạch	Đường máu mao mạch	16.600	16.600	